

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 13-7-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Nhanh.

2. Ông Lữ Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 144/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều N - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp 2, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt):

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị P - Sinh năm 1963 và ông Trần Văn R - Sinh năm 1956 - Địa chỉ: Ấp 2, xã BHN, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2021 (Thay thế đơn khởi kiện ngày 01-3-2021), các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kiều N trình bày và yêu cầu:

Tháng 01-2019, bà tham gia hội của bà Lê Thị P, cụ thể như sau: Hội mở ngày 05-01-2019, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, mỗi dây 33 phần, bà tham gia 06 phần (mỗi dây 03 phần). Đóng đến tháng thứ 02 thì bà P đưa cho bà tờ giấy photo danh sách những người cùng chơi hội, trong 02 dây hội, bà P ghi tên bà N tham gia 06 phần. Sau khi gom được 23 tháng, đến ngày 18-12-2020, bà P nói là bà chỉ tham gia 04 phần.

Đến hết tháng 02-2021, bà P đã trả lại cho bà 04 phần hội, chưa trả cho bà 02 phần hội còn lại với số tiền 34.660.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà P và ông R trả cho bà số tiền 34.660.000 đồng tiền 02 dây hội còn lại, ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24-5-2021, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị P và ông Trần Văn R trình bày:

Bà P làm chủ hội. Ngày 05-01-2019 mở hội loại 1.000.000 đồng/tháng gồm 02 dây, mỗi dây gồm 33 phần. Bà N tham gia 04 phần, mỗi dây gồm 02 phần.

Lúc đầu bà N xin tham gia 06 phần, bà P có phát cho mỗi người chơi hội 01 tờ giấy ghi tên những người chơi hội và số phần tham gia, trong đó có ghi bà N tham gia 06 phần. Nhưng thực tế, tháng đầu tiên đi gom hội, bà N chỉ đóng 04 phần, nói không có khả năng đóng 06 phần, nên bà P đã gạch bỏ 02 phần của bà N trong sổ hội. Hai phần gạch bỏ tên của bà N thì bà P cho 01 người tên Lê Thị P1 ở khu vực chợ HN tham gia. Từ đó về sau, mỗi tháng bà N chỉ đóng 04 phần.

Sau khi hội đã đóng được 23 tháng thì bà N nói là bà N chơi 06 phần, như vậy là không đúng.

Nay ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H nhận xét:

Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với đương sự, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật, quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội với số tiền 34.660.000 đồng, nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã đóng tiền cho 02 dây hội với số tiền tRn, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ việc được hòa giải ở cơ sở và ở Tòa án nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Kiều N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng góp hui” đối với bà Lê Thị P và ông Trần Văn R, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Xét việc bà N yêu cầu bà P và ông R trả cho bà N 34.660.000 đồng tiền hui là không có căn cứ chấp nhận.

Bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của bà N là có căn cứ và hợp pháp. Bà N không chứng minh được việc đã tham gia và việc đã đóng tiền hui mỗi lần cho bà P ông R đối với 02 phần hui đang tranh chấp; Lời khai của bà N và ông Nguyễn Thanh H1 tại xã BHN, do bà N cung cấp (Đơn xin giải quyết ngày 25-12-2020, Biên bản hòa giải ngày 05-02-2021, Biên bản làm việc ngày 12-01-2021) và lời khai ban đầu tại Tòa án (Đơn khởi kiện ngày 01-3-2021, bản tự khai ngày 24-5-2021) mâu thuẫn với đơn khởi kiện ngày 01-6-2021 và lời khai tại phiên tòa (lúc bà N cho rằng do ông Nguyễn Thanh H1 đóng trực tiếp cho bà P, lúc bà N cho rằng bà N đóng trực tiếp cho bà P).

Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp Điều 471 Bộ luật dân sự.

[4] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H1 không có yêu cầu gì và không ai có yêu cầu gì đối với ông H1 trong vụ án này nên không tiếp tục đề cập trong bản án là phù hợp.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà N bị bác yêu cầu 34.660.000 đồng nên phải chịu 1.733.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 898.994 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, buộc bà N phải nộp thêm 834.006 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ tRn,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N đối với bà Lê Thị P và ông Trần Văn R về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi đối với số tiền 34.660.000 đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều N phải nộp 1.733.000 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 898.994 đồng (tám trăm chín mươi tám nghìn, chín trăm chín mươi bốn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0009131 ngày 24-3-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, buộc bà N phải nộp thêm 834.006 đồng (tám trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm lẻ sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 13-7-2021).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hùng Vương